

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày 12-11-2021

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La

Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 23/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-DS ngày 23/4/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 170/TB-TP ngày 18/5/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 211/TB-TP ngày 22/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2021/QĐST-DS ngày 16/7/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 274/TB-TP ngày 10/8/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 312/TB-TP ngày 15/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2021/QĐST-DS ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh Đ, sinh năm 1955 (có mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 103 Trung tâm thương mại TT V, tổ dân phố T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Lương Thị Linh N, sinh năm 1981 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Chị Lương Thị Thanh A, sinh năm 1983 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn 9 xóm M, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1971 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số 4 ngõ 38, đường T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
 2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937;
Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do chị Lương Thị Linh N là cháu đại diện theo ủy quyền (bà N vắng mặt, chị N có mặt).
 3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);
Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
 4. Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1971 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);
 5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);
 6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);
Đều cư trú: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
 7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);
Nơi cư trú: Tổ 4, phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
 8. Ngân hàng thương mại cổ phần K Việt Nam, trụ sở: Số 191, phố B, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do bà Hoàng Thị Kim A, ông Nguyễn Sơn H, bà Phạm Thị C đều là CB xử lý nợ đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).
- Địa chỉ: Tầng 22, tòa nhà Techcombank, số 119 đường T, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đỗ Anh Đ trình bày:** Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L từ khoảng năm 1991 (bà L đã chết ngày 18/5/2016), đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, nay là thị trấn V. Trước khi kết hôn với ông, bà L đã có chồng (là ông Lương Văn M ở thôn L, xã T, huyện Lạng Giang đã ly hôn, hiện ông M đã chết cách đây khoảng 7 năm) và có 2 con là Lương Thị Linh N, sinh năm 1981 và Lương Thị Thanh A, sinh năm 1983. Ông được biết khi ly hôn ông M nuôi cháu N, còn bà L nuôi cháu A. Khi ông kết hôn với bà L thì ông đón cả cháu N về ở với ông và bà L cùng cháu A. Quá trình chung sống với bà L, giữa ông và bà L không sinh được người con chung nào, vợ chồng ông và bà L có nhận nuôi 1 con nuôi là Đỗ Thị T, sinh năm 1986.

Khoảng năm 2003 vợ chồng ông xây dựng gia đình cho cháu N lấy chồng về xã X, huyện Đông Anh, TP Hà Nội. Khoảng năm 2006 vợ chồng ông xây dựng gia đình cho cháu A lấy chồng ở xã P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, sau khi đi xuất khẩu lao động từ Nhật về nước cháu A ly hôn chồng, đầu năm 2019 cháu A đã lấy chồng lần 2. Năm 2011 cháu T lấy chồng hiện đang ở ngõ 38, đường T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng ông với gia đình ông L, anh T là quan hệ quen biết vẫn qua lại buôn bán với nhau từ nhiều năm trước, khi bà L còn sống, bà L vợ ông có vay tiền anh T 30.000.000đ để cho cháu A đi du học nước ngoài (nhật). Nay gia đình ông sẽ đồng ý có trách nhiệm thanh

toán trả anh T số tiền trên, chỉ trả gốc 30.000.000đ, không trả lãi xuất. Việc ông L cho vợ ông (bà L) vay tiền như thế nào ông không biết, ông không được bà L bàn bạc gì về việc vay tiền ông L, đến khi bà L chết ông mới được nghe tin khi còn sống bà L có vay tiền của ông L, ông có lên nhà ông L hỏi chuyện, thì ông L có nói là ông L có cho vợ ông (bà L) vay khoảng 150.000.000đ để cho cháu thứ 2 (A) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Hôm nay ông mới nhìn thấy bản phô tô giấy biên nhận vay tiền có chữ ký và chữ viết của bà L là số tiền vay 150.000.000đ. Nay gia đình ông sẽ đồng ý có trách nhiệm thanh toán trả ông L số tiền trên, ông được biết ông L cho vợ ông vay cũng không lấy lãi một đồng nào.

Quá trình chung sống với bà L từ năm 1991, ông và bà L cùng con riêng của bà L ở tại tổ dân phố T, thị trấn V được một thời gian ngắn; sau đó mua nhà đất chuyển lên phố V, khu vực phía sau Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lạng Giang để ở. Khoảng năm 2000 ông bà bán nhà đất này cho ông T và mua đất làm nhà ra khu đất mới giáp quốc lộ 1A để ở. Đến năm 2010 ông bà lại bán nhà đất này cho Công ty Đ và mua thửa đất số 703, tờ bản đồ số 05 đường P thuộc tổ dân phố T, thị trấn V, khi nhận chuyển nhượng ông và bà L có làm văn bản đề nghị đăng ký tài sản riêng, để một mình bà L đứng tên trong giao dịch chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để độc lập, tự định đoạt và chịu trách nhiệm riêng về tài sản. Sau khi chuyển nhượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong vợ chồng ông đã xây dựng nhà và cùng các con ăn ở sinh sống trên đất. Ngày 19/12/2014 ông và bà L có vay 450.000.000đ tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam để bà L làm vốn kinh doanh, khi vay ông và bà L có ký thế chấp nhà đất trên để vay tiền; sau khi bà L chết, ông đã trả lãi thêm được bốn tháng, do không trả được nợ nên Ngân hàng đã bán tài sản thế chấp để trừ nợ, số tiền còn thừa Ngân hàng đã gửi vào tài khoản của bà L tại Ngân hàng với số tiền là 248.188.579đ. Nay ông sẽ có trách nhiệm trích phần tài sản của ông và di sản thừa kế của bà L ra để trả nợ, số tiền di sản của bà L còn lại để chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của bà L, ông có nhận phần di sản thừa kế được hưởng của bà lý.

*** Bị đơn Chị Lương Thị Linh N và Lương Thị Thanh A trình bày:** Các chị có bố là Lương Văn M (chết năm 2015), mẹ Nguyễn Thị L (chết năm 2016), bố mẹ các chị sinh được hai người con là Lương Thị Linh N và Lương Thị Thanh A. Ngoài ra không còn người con nuôi nào khác. Các chị không nhớ bố mẹ các chị ly hôn từ năm nào vì khi đó các chị còn nhỏ. Đến khoảng năm 1994 ông Đỗ Anh Đ ở chung sống như vợ chồng với mẹ các chị, mẹ các chị có nói là không đăng ký kết hôn.

Đối với thửa đất mà đã bán để trả tiền Ngân hàng TMCP K Việt Nam, hiện còn thừa tiền Ngân hàng đang quản lý có nguồn gốc như sau: Các chị cũng chỉ biết thửa đất này do mẹ các chị là bà Nguyễn Thị L mua lại của người khác (không biết ai) từ năm 2010 và được cấp sổ bìa đỏ mang tên bà Nguyễn Thị L. Sau khi Ngân hàng TMCP K Việt Nam thanh lý thì còn thừa lại số tiền 248.188.579đ Ngân hàng vẫn đang quản lý. Nay các chị khẳng định đây là tài sản riêng của mẹ các chị, không phải là tài sản chung của mẹ và ông Đỗ Anh Đ. Do vậy ông Đ kiện chia di sản thừa kế phần tiền còn lại (248.188.579đ) do Ngân hàng TMCP K Việt Nam đang quản lý là không đúng. Vì ông Đ không có quyền khởi kiện, ông Đ không đăng ký kết hôn với mẹ các chị, ông Đ không được hưởng di sản của mẹ các chị để lại. Đề nghị Tòa án chia đôi di sản của mẹ các chị để lại cho hai chị em

(N và A). Còn bà N là bà ngoại của các chị có quyền được hưởng di sản, việc này nội bộ gia đình các chị sẽ tự giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và ông Đặng Văn T khởi kiện đòi tiền đối với ông Đỗ Anh Đ thì ông Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ. Việc này không liên quan gì đến bà L.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông với ông Đỗ Anh Đ là bạn đồng ngũ, ông Đ cần tiền để cho con đi du học nên đã vay của ông tổng số tiền là 150.000.000đ được chia làm 4 lần: Lần 1 ngày 15/3/2011 vay 50.000.000đ; Lần 2 ngày 10/11/2012 vay 35.000.000đ; Lần 3 ngày 14/11/2012 vay 35.000.000đ; Lần 4 ngày 12/8/2013 vay 30.000.000đ. Do cần tiền để làm nhà ông đã xuống đòi nhiều lần, nhưng ông Đ khát lần không thanh toán. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà L phải thanh toán trả ông tổng số tiền gốc vay là 150.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

2. Anh Đặng Văn T trình bày: Do anh với vợ chồng ông Đ cùng đi bán hàng, ngày 07/11/2013 anh có cho vợ chồng ông Đ vay 30.000.000đ, hẹn khi nào anh cần thì thanh toán trả; khi anh làm nhà lên đòi nhưng ông Đ không trả. Nay anh đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà L phải thanh toán trả anh số tiền gốc vay là 30.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị T trình bày: Chị đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án chia di sản thừa kế, tài sản thừa kế là ngôi nhà đứng tên ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị L. Chị là con của ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị M. Do đó tài sản chung của ông Đ, bà L chị sẽ không có quyền lợi về vấn đề chia tài sản này. Nay chị từ chối tất cả liên quan đến vấn đề chia tài sản này.

2. Bà Nguyễn Thị N, do chị Lương Thị Linh N đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà có chồng là Nguyễn Đức L (chết 03/01/2020), bà là mẹ đẻ của bà L (bà Nguyễn Thị L vợ ông Đ); hiện tại bà L đã chết, bà không yêu cầu được hưởng di sản do bà L để lại.

3. Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là con bố Nguyễn Đức L (chết ngày 03/01/2020), mẹ Nguyễn Thị N. Do ông L chết nên bà được hưởng thừa kế di sản do bà L để lại, nhưng bà không có yêu cầu gì, mà để cháu N, cháu A tự giải quyết, bà từ chối tham gia tố tụng.

4. Bà Nguyễn Thị Lan A trình bày: Bà là con bố Nguyễn Đức L (chết ngày 03/01/2020), mẹ Nguyễn Thị N. Do ông L chết nên bà được hưởng thừa kế di sản do bà L để lại, nhưng bà không có yêu cầu gì, mà để cháu N, cháu A tự giải quyết, bà từ chối tham gia tố tụng.

5. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là con bố Nguyễn Đức L (chết ngày 03/01/2020), mẹ Nguyễn Thị N. Do ông L chết nên bà được hưởng thừa kế di sản do bà L để lại, nhưng bà không có yêu cầu gì, mà để cháu N, cháu A tự giải quyết, bà từ chối tham gia tố tụng.

6. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là con bố Nguyễn Đức L (chết ngày 03/01/2020), mẹ Nguyễn Thị N. Do ông L chết nên ông được hưởng thừa kế di sản do bà L để lại, nhưng ông không có yêu cầu gì, mà để cháu N, cháu A tự giải quyết, ông từ chối tham gia tố tụng.

7. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là con bố Nguyễn Đức L (chết ngày 03/01/2020), mẹ Nguyễn Thị N. Do ông L chết nên bà được hưởng thừa kế di sản do bà L để lại, nhưng bà không có yêu cầu gì, mà để cháu N, cháu A tự giải quyết, bà từ chối tham gia tố tụng

8. Ngân hàng thương mại cổ phần K Việt Nam, trụ sở: Số 191, phố B, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do bà Hoàng Thị Kim A, ông Nguyễn Sơn H, bà Phạm Thị C đều là CB xử lý nợ đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/12/2014 Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Anh Đ ký hợp đồng tín dụng số BGN2014232/HĐTD, số tiền vay 450.000.000đ. Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay trên là một bất động sản thửa số 703, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 174492 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 07/12/2010, theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 534/2014, Quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Anh Đ.

Do bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã thực hiện thu giữ và phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Số tiền bán tài sản sau khi hạch toán thu nợ còn thừa được Ngân hàng TMCP K Việt Nam chuyển trả vào tài khoản số 19028842081011 của bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam, đồng thời thực hiện thông báo về số tiền dư sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm cho khách hàng/ chủ tài sản (thông báo số 7756/2018/TB-TCB ngày 27/8/2018).

Tính đến ngày 11/11/2020, số tiền có trong tài khoản bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam là 248.394.695đ, bao gồm số tiền còn dư sau khi hạch toán thu nợ là 248.188.579đ và tiền lãi gửi không kỳ hạn 206.116đ.

Đối với khoản tiền trong tài khoản của bà Nguyễn Thị L, Ngân hàng TMCP K Việt Nam sẽ thực hiện chuyển trả cho người thụ hưởng hợp pháp theo Quyết định/ Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, hoặc theo văn bản hợp pháp chứng minh quyền thụ hưởng của người đề nghị thụ hưởng.

Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện độc lập của ông L và anh T đối với ông Đỗ Anh Đ đã được TAND huyện Lạng Giang thụ lý; Ngân hàng TMCP K Việt Nam đề nghị Tòa án xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Đ có mặt giữ nguyên yêu cầu trên. Chị N, chị A có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Khi mẹ các chị (bà L) còn sống, các chị có nghe bà L nói là bà L có vay nợ tiền ông L và ông T nhưng không biết số tiền vay nợ là bao nhiêu, sau đó bà L đã bán ki ốt chợ V để lấy tiền trả nợ, nếu chưa trả hết thì các chị sẽ trả phần nợ của bà L. Ông L, anh T đều có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Do bà L đã chết nên ông L và anh T yêu cầu những người được hưởng di sản của bà L phải có trách nhiệm trả phần nợ của bà L. Bà N do chị N đại diện theo ủy quyền có mặt giữ nguyên yêu cầu trên. Bà L, bà Lan A, bà N, bà N, ông T đều vắng mặt từ chối tham gia tố tụng. Chị T, Ngân hàng TMCP K Việt Nam đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ, chị N, chị A, ông L, anh T, bà N do chị N đại diện theo ủy quyền đều có mặt. Bà L, bà Lan A, bà N, bà N, ông T đều vắng mặt từ chối tham gia tố tụng. Chị T, Ngân hàng TMCP K Việt Nam đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Anh Đ về việc chia di sản thừa kế của bà L để lại, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L và Đặng Văn T:

- Buộc ông Đỗ Anh Đ trả anh Đặng Văn T 15.000.000đ, anh Nguyễn Văn L 75.000.000đ; Ngân hàng TMCP K Việt Nam có trách nhiệm trích trả anh Đặng Văn T 15.000.000đ, anh Nguyễn Văn L 75.000.000đ.

- Ngân hàng TMCP K Việt Nam có trách nhiệm trích trả chị N và chị A mỗi người số tiền 79.197.347đ.

Về án phí: Chị A và chị N mỗi người phải chịu 3.959.867đ tiền án phí sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn ông Đỗ Anh Đ, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số nhà 103 Trung tâm thương mại TT V, thuộc tổ dân phố T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Khởi kiện chia di sản thừa kế đối với; Bị đơn: Chị Lương Thị Linh N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và chị Lương Thị Thanh A, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Ông Đỗ Anh Đ chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị L từ khoảng năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2010 ông Đ, bà L có nhận chuyển nhượng của chị Ngô Thanh V thửa đất số 703 tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khi nhận chuyển nhượng ông Đ và bà L có làm văn bản đề nghị đăng ký tài sản riêng, để một mình bà L đứng tên trong giao dịch chuyển nhượng và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để độc lập, tự định đoạt và chịu trách nhiệm riêng về tài sản. Ngày 19/12/2014 Ngân hàng TMCP K Việt Nam và vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Anh Đ ký hợp đồng

tín dụng số BGN2014232/HĐTD, số tiền vay 450.000.000đ. Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay trên là một bất động sản thửa đất số 703, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 174492 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 07/12/2010 mang tên người sử dụng đất là Bà Nguyễn Thị L. Ngày 18/5/2016 bà Nguyễn Thị L chết. Do bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã thực hiện thu giữ và phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Số tiền bán tài sản sau khi hạch toán thu nợ còn thừa được Ngân hàng TMCP K Việt Nam chuyển trả vào tài khoản số 19028842081011 của bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam, đồng thời thực hiện thông báo về số tiền dư sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm cho khách hàng/ chủ tài sản. Tính đến ngày 11/11/2020, số tiền có trong tài khoản bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam là 248.394.695đ, bao gồm số tiền còn dư sau khi hạch toán thu nợ là 248.188.579đ và tiền lãi gửi không kỳ hạn 206.116đ, nay các bên không tự thỏa thuận được phân chia số tiền trên. Bên cạnh đó người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ của người chết để lại. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp phân chia di sản thừa kế, phạm vi khởi kiện là xác định phần quyền sở hữu tài sản, trách nhiệm trả nợ, nghĩa vụ của người chết để lại và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ, chị N, chị A, ông L, anh T, bà N do chị N đại diện theo ủy quyền đều có mặt. Bà L, bà Lan A, bà N, bà N, ông T đều vắng mặt từ chối tham gia tố tụng. Chị T, Ngân hàng TMCP K Việt Nam đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đỗ Anh Đ chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị L từ khoảng năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2010 ông Đ, bà L có nhận chuyển nhượng của chị Ngô Thanh V thửa đất số 703 tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; khi nhận chuyển nhượng ông Đ và bà L có làm văn bản đề nghị đăng ký tài sản riêng, để một mình bà L đứng tên trong giao dịch chuyển nhượng và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để độc lập, tự định đoạt và chịu trách nhiệm riêng về tài sản. Ngày 19/12/2014 Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Anh Đ ký hợp đồng tín dụng số BGN2014232/HĐTD, vay số tiền 450.000.000đ. Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay trên là thửa đất số 703, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 174492 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 07/12/2010 mang tên người sử dụng là Bà

Nguyễn Thị L. Ngày 18/5/2016 bà Nguyễn Thị L chết. Do bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã thực hiện thu giữ và phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Số tiền bán tài sản sau khi hạch toán thu nợ còn thừa được Ngân hàng TMCP K Việt Nam chuyển trả vào tài khoản số 19028842081011 của bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam, đồng thời thực hiện thông báo về số tiền dư sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm cho khách hàng/ chủ tài sản (thông báo số 7756/2018/TB-TCB ngày 27/8/2018). Tính đến ngày 11/11/2020, số tiền có trong tài khoản bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam là 248.394.695đ, bao gồm số tiền còn dư sau khi hạch toán thu nợ là 248.188.579đ và tiền lãi gửi không kỳ hạn 206.116đ, do các bên không tự thỏa thuận được phân chia số tiền trên, nên ông Đ đã khởi kiện phân chia di sản thừa kế của bà L để lại theo pháp luật.

Xác định được ông Đ và bà L chung sống với nhau như vợ chồng, không có con chung, nhưng hai người đã tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 703, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; ông Đ, bà L thỏa thuận đăng ký đây là tài sản riêng của bà L, để độc lập, tự định đoạt và chịu trách nhiệm riêng về tài sản theo quy định của pháp luật, nên UBND huyện Lạng Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bà Nguyễn Thị L. Tài sản này đã được bán chuyển nhượng để thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP K Việt Nam. Nên khoản tiền 248.394.695đ trong tài khoản số 19028842081011 mang tên bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam tính đến ngày 11/11/2020 là tài sản chung của ông Đ, bà L phát triển được. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L để lại là không có căn cứ vì theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì trường hợp này pháp luật không công nhận ông Đ và bà L là vợ chồng. Tuy nhiên để giải quyết triệt để các vấn đề phát sinh trong vụ án, cần xác định phần tài sản hợp pháp của ông Đ trong khối tài sản chung với bà L trị giá là 124.197.348đ; phân chia di sản của bà L để lại và giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo pháp luật.

Về chia di sản thừa kế: Tại phiên tòa hôm nay ông Đ, chị N, chị A đều đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế. HĐXX xét thấy, di sản thừa kế của bà L để lại là tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam trị giá 124.197.348đ, trước khi chết bà L không để lại di chúc, do vậy cần chia theo quy định của pháp luật; hàng thừa kế thứ nhất của bà L được hưởng di sản xác định là chị N, chị A nên mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau trị giá 62.098.674đ.

Về yêu cầu độc lập: HĐXX xét thấy căn cứ bản gốc giấy biên nhận vay tiền xác định được, khi bà L còn sống thì ông Đ, bà L có vay tiền của ông Nguyễn Văn L 150.000.000đ, vay của anh Đặng Văn T 30.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận hiện chưa thanh toán trả, do vậy nay cần xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Đ và bà L mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$

số nợ trên. Do vậy cần buộc ông Đ phải trả ông Nguyễn Văn L 75.000.000đ, trả anh Đặng Văn T 15.000.000đ. Do bà L đã chết, nên những người được hưởng di sản thừa kế của bà L phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trả ông Nguyễn Văn L 75.000.000đ (cụ thể chị N, chị A mỗi người phải trả ông L 37.500.000đ), trả anh Đặng Văn T 15.000.000đ (cụ thể chị N, chị A mỗi người phải trả anh T 7.500.000đ). Cần tạm giữ phần tài sản hợp pháp của ông Đ và kỷ phần hưởng di sản thừa kế của chị N, chị A để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: Do ông Đ là người cao tuổi, nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ; chị N và chị A mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông L thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Hoàn trả anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 105; 107; 221; 222; 463; 466; 612; 615; 650; 651 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đỗ Anh Đ; chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L và anh Đặng Văn T. Xác nhận khoản tiền 248.394.695đ trong tài khoản số 19028842081011 mang tên bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam tính đến ngày 11/11/2020, trong đó có 124.197.348đ là tài sản của ông Đỗ Anh Đ và 124.197.348đ là di sản do bà L để lại.

Trả ông Đỗ Anh Đ 124.197.348đ trong tài khoản số 19028842081011 mang tên bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam tính đến ngày 11/11/2020. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Giao chị Lương Thị Linh N, chị Lương Thị Thanh A mỗi người được hưởng 62.098.674đ trong tài khoản số 19028842081011 mang tên bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP K Việt Nam tính đến ngày 11/11/2020. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Buộc ông Đỗ Anh Đ phải trả ông Nguyễn Văn L 75.000.000đ, trả anh Đặng Văn T 15.000.000đ.

Buộc chị Lương Thị Linh N, chị Lương Thị Thanh A mỗi người phải trả ông Nguyễn Văn L 37.500.000đ, trả anh Đặng Văn T 7.500.000đ.

2/ Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Anh Đ. Chị Lương Thị Linh N và chị Lương Thị Thanh A mỗi người phải chịu 3.105.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn L thuộc diện không phải nộp tiền tạm ứng án phí, hoàn trả anh

Đặng Văn T 750.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002657 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi xuất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Thân Trọng Khôi**